



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bàu Bàng, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất điều chỉnh Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân

dân huyện Bàu Bàng về Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tổng vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là: 731 tỷ 270 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí: 626 tỷ 770 triệu đồng.
- Nguồn vốn kết dư ngân sách huyện: 90 tỷ đồng.
- Nguồn vốn thường vượt thu: 14 tỷ 500 triệu đồng.

2. Điều chỉnh vốn từng công trình như sau:

- Vốn phân cấp theo tiêu chí: Tăng vốn 12 công trình, số tiền tăng: 40 tỷ 900 triệu đồng; Giảm vốn 14 công trình, số tiền giảm: 40 tỷ 900 triệu đồng.
- Vốn kết dư ngân sách huyện: Không tăng, giảm.
- Vốn thường vượt thu: Không tăng, giảm.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khoá III, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT.HU; TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, An.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ (A+B+C): 198 công trình		198	731.270	731.270	40.900	40.900	
A	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ (178 công trình)		178	626.770	626.770	40.900	40.900	
I	Năm 2020 chuyển tiếp sang năm 2021 (a+b+c+d): 34 công trình		34	53.487	53.724	237	0	
a	Ban Quản lý dự án (11 công trình)		11	33.630	33.867	237	0	
1	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	1	11.000	11.237	237	0	
2	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	LU	1	5.300	5.300	0	0	
3	BTNN đường Lai Uyên-45 thị trấn Lai Uyên	LU	1	2.000	2.000	0	0	
4	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng-20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	LH	1	500	500	0	0	
5	BTNN đường ấp Mương Đào xã Long Nguyên	LN	1	100	100	0	0	
6	BTTT đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	1	900	900	0	0	
7	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trừ Văn Thố.	TVT	1	1.578	1.578	0	0	
8	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	LU	1	2.260	2.260	0	0	
9	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên	LU	1	1.232	1.232	0	0	
10	Trung Tâm văn hóa xã Lai Hưng	LH	1	221	221	0	0	
11	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	1	8.539	8.539	0	0	
b	Phòng Quản lý đô Thị (21 công trình)		21	17.933	17.933	0	0	
1	Nâng cấp BTNN đường GTNT ấp Bến Sắn (gồm 02 nhánh) xã Long Nguyên	LN	1	2.272	2.272	0	0	
2	Nâng cấp BTNN đường tổ 4 ấp Bung Thuốc (DT749a – trại heo An Tâm) xã Long Nguyên	LN	1	237	237	0	0	
3	Nâng cấp BTNN đường liên ấp Bung Thuốc – Bến Sắn xã Long Nguyên	LN	1	677	677	0	0	
4	Nâng cấp BTNN đường từ ngã ba đường đất - ông bà Ton ấp Bến Tượng xã Lai Hưng	LH	1	996	996	0	0	
5	Nâng cấp BTNN đường từ đông QL13 đi ĐT750 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	838	838	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Nâng cấp BTNN đường từ đường ĐH 618 - nhà nghỉ Hương Quê, TT Lai Uyên	LU	1	1.501	1.501	0	0	
7	Nâng cấp BTNN đường tổ 8, Khu phố Cây Sắn TT Lai Uyên	LU	1	1.725	1.725	0	0	
8	Nâng cấp BTNN đường ông Xoa – Bà Khứu, xã Cây Trường II	CT	1	285	285	0	0	
9	Nâng cấp BTNN đường Ông Cương - Ông Thương, xã Cây Trường II	CT	1	220	220	0	0	
10	Nâng cấp BTNN đường cầu sắt – Trại heo, xã Cây Trường II	CT	1	1.279	1.279	0	0	
11	Nâng cấp BTNN đường ông Nga – ông Quang, xã Cây Trường II	CT	1	406	406	0	0	
12	Nâng cấp BTXM đường từ nhà Ông Quy – Bà Đào xã Hưng Hòa	HH	1	232	232	0	0	
13	Nâng cấp BTXM đường từ nhà Ông Luận- Bà The xã Hưng Hòa	HH	1	585	585	0	0	
14	Nâng cấp BTXM đường từ nhà Ông Tiến- Ông Tạo xã Hưng Hòa	HH	1	777	777	0	0	
15	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 1 (từ nhà bà Xuân - nhà ông Quý) xã Tân Hưng	TH	1	965	965	0	0	
16	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 5 (từ nhà ông Xê - ông Lang) xã Tân Hưng	TH	1	2.242	2.242	0	0	
17	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 4 (từ nhà ông Thuận - xóm Tiền Giang) xã Tân Hưng	LU	1	277	277	0	0	
18	Nâng cấp BTXM đường nhà ông 6 Bảo - nhà ông Minh cự chiến binh khu phố Cây sắn, Thị trấn Lai Uyên	LU	1	1.532	1.532	0	0	
19	Nâng cấp BTXM đường từ Quốc lộ 13 đến nhà bà Nguyễn Thị Thắm khu phố Cây Sắn, Thị trấn Lai Uyên	LU	1	342	342	0	0	
20	Nâng cấp BTXM đường từ nhà ông Lê Cừu đến nhà ông Đỗ Văn Liêm, khu phố Bàu Bàng, Thị trấn Lai Uyên	LU	1	243	243	0	0	
21	Nâng cấp BTXM đường ông Nam và Bà Sự xã Cây Trường II	CT	1	302	302	0	0	
c	Ban chỉ huy quân sự huyện (01 công trình)		1	1.824	1.824	0	0	
1	Nhà Bán áo Ban chỉ huy quân sự huyện	LU	1	1.824	1.824	0	0	
d	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Bàu Bàng ((01 công trình)		1	100	100	0	0	
1	Dự án tổng thể GPMB khu đất công 60.602,9m ấp 6 Hưng Hòa	HH	1	100	100	0	0	
II	Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 (a+b): 20 công trình		20	119.557	119.557	0	0	
a	Ban Quản lý dự án khởi công mới năm 2021: 11 công trình		11	66.926	66.926	0	0	
1	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	1	10.086	10.086	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749c xã Long Nguyên.	LN	1	3.650	3.650	0	0	
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	1	5.000	5.000	0	0	
4	Xây dựng mới văn phòng một cửa UBND xã Cây Trường II	CT	1	3.800	3.800	0	0	
5	Đầu tư mới, mở rộng lưới điện một số khu vực trên địa bàn TT Lai Uyên	LU	1	13.694	13.694	0	0	
6	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đồng Sở thị trấn Lai Uyên	LU	1	5.000	5.000	0	0	
7	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 Trừ Văn Thố	TVT	1	3.700	3.700	0	0	
8	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 Trừ Văn Thố	TVT	1	4.800	4.800	0	0	
9	Đầu tư mới, mở rộng lưới điện một số khu vực trên địa bàn xã Trừ Văn Thố	TVT	1	7.196	7.196	0	0	
10	Xây mới văn phòng ấp 1 Tân Hưng	TH	1	5.000	5.000	0	0	
11	Xây mới văn phòng ấp 5 Tân Hưng	TH	1	5.000	5.000	0	0	
b	Phòng Quản lý đô thị khởi công mới năm 2021: 09 công trình		9	52.631	52.631	0	0	
1	Nâng cấp BTXM đường Nhà bà 9 Lửa, xã Lai Hưng.	LH	1	6.631	6.631	0	0	
2	Duy tu sửa chữa Đường ĐH 620 (đoạn từ ngã 3 Bến tượng giáp QL13 - Cầu Bến tượng, xã Lai Hưng	LH	1	14.815	14.815	0	0	
3	Nâng cấp sỏi đá đường trại bò Ông Đệ - ĐH614, xã Cây Trường II	CT	1	3.430	3.430	0	0	
4	Nâng cấp BTNN đường từ nhà Ông Cừ - Bà Lê xã Lai Hưng	LH	1	3.840	3.840	0	0	
5	Nâng cấp BTNN đường tổ 1A ấp Suối Tre xã Long Nguyên	LN	1	5.811	5.811	0	0	
6	Nâng cấp BTXM đường ông Thọ - bà Tiêu ấp 3 (Đường số 81) xã Hưng Hòa	HH	1	3.004	3.004	0	0	
7	Nâng cấp BTNN đường nhà máy nước đến đường liên ấp 1-4 Trừ Văn Thố	TVT	1	3.530	3.530	0	0	
8	Nâng cấp BTNN đường Xóm Tiền Giang (thị trấn Lai Uyên -73)	LU	1	7.000	7.000	0	0	
9	Nâng cấp BTNN đường trại heo Ông Hoàng đến Trường THCS Trừ Văn Thố	TVT	1	4.570	4.570	0	0	
III	Chuẩn bị đầu tư, khởi công mới giai đoạn 2022 - 2025 (a+b): 124 công trình		124	453.726	453.489	40.663	40.900	
a	Ban Quản lý dự án: 56 công trình		56	218.900	250.500	35.100	3.500	
1	Xây dựng công viên Bằng Lăng thị trấn Lai Uyên	LU	1	2.500	2.500	0	0	
2	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Đôi xã Lai Hưng	LH	1	4.600	4.600	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Long Nguyên	LN	1	4.400	4.400	0	0	
4	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên.	LN	1	6.600	6.600	0	0	
5	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	1	8.100	8.100	0	0	
6	Nhà ở tập thể đối cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	1	11.500	11.500	0	0	
7	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND thị trấn Lai Uyên	LU	1	4.900	4.900	0	0	
8	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749a xã Long Nguyên.	LN	1	7.500	7.500	0	0	
9	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch (khu đất 86,425m2), xã Long Nguyên	LN	1	15.000	15.000	0	0	
10	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Hưng Hòa	HH	1	5.000	5.000	0	0	
11	Xây dựng mới văn phòng ấp Ông Chài xã Cây Trường II	CT	1	5.000	5.000	0	0	
12	Xây mới văn phòng ấp 2 xã Tân Hưng	TH	1	5.100	5.100	0	0	
13	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Sắt xã Lai Hưng	LH	1	5.100	6.800	1.700	0	
14	Xây dựng mới kho lưu trữ UBND xã Long Nguyên	LN	1	50	50	0	0	
15	Xây dựng mới trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	1	30.000	30.000	0	0	
16	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Trảng Lớn, Sa Thềm, Bến Sắn xã Long Nguyên.	LN	1	10.000	10.000	0	0	
17	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Long Bình, Bung Thuộc, Mương Đào xã Long Nguyên.	LN	1	2.000	2.000	0	0	
18	Xây dựng mới văn phòng ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên	LN	1	5.000	5.000	0	0	
19	Xây dựng mới văn phòng ấp Nhà Mát xã Long Nguyên	LN	1	3.000	3.000	0	0	
20	Xây dựng mới văn phòng ấp Suối Tre xã Long Nguyên	LN	1	3.000	3.000	0	0	
21	Xây dựng mới văn phòng ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	1	5.000	5.000	0	0	
22	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Phái xã Long Nguyên	LN	1	3.000	3.000	0	0	
23	BTNN đường Ông Rạng - Ông Tòng và Cao su Ông Hoàng đến Suối Đồng Bấy, ấp Bà Tứ xã Cây Trường	CT	1	50	50	0	0	
24	Xây mới văn phòng ấp 3 xã Tân Hưng	TH	1	5.000	5.000	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
25	Xây mới văn phòng ấp 4 xã Tân Hưng	TH	1	5.000	5.000	0	0	
26	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Hưng Hòa	HH	1	5.000	5.000	0	0	
27	Xây dựng phòng tiếp dân thị trấn Lai Uyên	LU	1	50	50	0	0	
28	BTNN đường tổ 3, 5 ấp Hố Muôn, xã Long Nguyên	LN	1	8.100	8.100	0	0	
29	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Tứ xã Cây Trường II	CT	1	5.000	5.000	0	0	
30	Xây dựng Nhà Văn hóa khu phố Bàu Hốt TT Lai Uyên	LU	1	5.000	5.000	0	0	
31	Xây dựng mới văn phòng ấp 5 xã Hưng Hòa	HH	1	5.000	2.500	0	2.500	
32	BTNN đường Ông Hoàng - Cầu Bến Than ấp Bàu Tứ xã Cây Trường	CT	1	6.950	6.950	0	0	
33	BTNN đường Ông Dương Nghĩa Đoàn - NTCS Tân Hưng (TT Lai Uyên - 80)	LU	1	50	50	0	0	
34	BTNN đường Cầu Bà Lãng - Trung đoàn BB số 6 xã Lai Hưng	LH	1	5.050	5.050	0	0	
35	Xây dựng mới hàng rào và nhà Quản trang nghĩa trang nhân dân xã Long Nguyên	LN	1	50	50	0	0	
36	Xây dựng mới văn phòng ấp 1 xã Hưng Hòa	HH	1	2.500	2.500	0	0	
37	Xây dựng mới văn phòng ấp 6 xã Hưng Hòa	HH	1	2.500	2.500	0	0	
38	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trung tâm văn hóa xã Cây Trường	CT	1	50	50	0	0	
39	BTNN đường Ông 9 Cảnh - Giầy Vĩnh Phú - Ông Tê (TT Lai Uyên - 50)	LU	1	4.600	4.600	0	0	
40	BTNN đường từ khu dân cư Nam Long đến trường Thiếu Niên III xã Trù Văn Thố	TVT	1	50	50	0	0	
41	Xây dựng bể bơi và các phòng phục vụ bể bơi xã Tân Hưng	TH	1	50	50	0	0	
42	Xây dựng mới các trụ sở làm việc BCH Quân sự các xã, thị trấn		1	50	50	0	0	
43	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã Lai Hưng (Giai đoạn 2)	LH	1	50	50	0	0	
44	Xây dựng mới hội trường UBND thị trấn Lai Uyên	LU	1	2.000	7.000	5.000	0	
45	Xây dựng mới Trung tâm Văn Hóa xã Trù Văn Thố	TVT	1	50	50	0	0	
46	Xây dựng hội trường UBND xã Hưng Hòa	HH	1	3.000	6.000	3.000	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
47	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Long Nguyên	LN	1	50	50	0	0	
48	Đầu tư nâng cấp lưới điện tại một số khu vực ấp Bến Trượng, ấp Cầu Đôi và ấp Lai Khê, xã Lai Hưng	LH	1	2.000	7.000	5.000	0	
49	Cải tạo, sửa chữa Hội trường huyện và nhà ăn huyện ủy	LU	1	5.000	4.000	0	1.000	
50	Xây dựng nhà thi đấu đa năng - Trung tâm văn hóa	LU	1	100	5.000	4.900	0	
51	Nâng cấp BTNT đường liên ấp 2, 3, 4 xã Tân Hưng	TH	1	100	100	0	0	
52	Nâng cấp BTNN đường ĐH618 và hệ thống thoát nước (Trường MN Lai Uyên - đường ĐT741C)	LU	1	100	100	0	0	
53	Xây dựng nhà kho tang vật huyện Bàu Bàng	LU	1	0	2.500	2.500	0	Bổ sung danh mục
54	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	1	0	8.000	8.000		Bổ sung danh mục
55	Nâng cấp nhà tưởng niệm anh hùng Trừ Văn Thố	TVT	1	0	3.000	3.000	0	Bổ sung danh mục
56	Nâng cấp lưới điện xã Hưng Hòa	HH	1	0	2.000	2.000		Bổ sung danh mục
b	Phòng Quản lý đô thị: 66 công trình		66	224.826	192.989	5.563	37.400	
1	Nâng cấp BTXM đường ông Tuấn - ông Hải ấp 1 (Đường số 87) xã Hưng Hòa	HH	1	1.050	1.113	63	0	
2	Nâng cấp BTXM đường ấp 1 Hưng Hòa gồm các tuyến số (05, 13, 15, 25, 89, 91)	HH	1	2.350	2.350	0	0	
3	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Cạn gồm tuyến Ông Cường - Ông Ân (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuẩn (số 38) xã Cây Trường	CT	1	5.540	5.540	0	0	
4	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến nhà Ông Nghĩa ấp 3 Trừ Văn Thố	TVT	1	4.300	4.300	0	0	
5	Nâng cấp, mở rộng Trung Tâm Văn Hóa và xây dựng Sân bóng đá Mini xã Tân Hưng	TH	1	500	500	0	0	
6	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tường Vy - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	LU	1	1.900	1.900	0	0	
7	Nâng cấp BTNN đường nhà Anh Tiến - Ông Hai Quán xã Lai Hưng	LH	1	8.300	6.100	0	2.200	
8	Nâng cấp BTNN đường từ Đất ông Phô - Giáp ngã 3 ông Út Lý xã Lai Hưng	LH	1	5.200	5.200	0	0	
9	Nâng cấp BTXM đường tổ 1,4,5 ấp Bà Phái, xã Long Nguyên	LN	1	8.900	6.400	0	2.500	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Nâng cấp BTNN đường tổ 1,2 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên (gồm 02 nhánh)	LN	1	7.800	6.300	0	1.500	
11	Nâng cấp BTXM đường ấp 3 xã Hưng Hòa các tuyến số 18, 24, 30, 36, 46, 48)	HH	1	5.500	5.500	0	0	
12	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến Cao su Bà Thanh đến Cao su Becamex và tuyến Ông Nghiệp - Ông Quân ấp Bà Tư- Cây Trường	CT	1	13.000	6.200	0	6.800	
13	Nâng cấp BTNN đường ông 5 Sứ (TT Lai Uyên 73)	LU	1	5.200	3.900	0	1.300	
14	Nâng cấp BTNN đường Ông Tú Trang-ông 4 Tấn (TT Lai Uyên - 60)	LU	1	7.300	5.500	0	1.800	
15	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Mạo đến nhà ông Phước, tổ 8 ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	2.900	2.900	0	0	
16	Nâng cấp BTNN đường từ ĐT 750 đến nhà ông Duyên ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	2.900	2.000	0	900	
17	Nâng cấp BTXM đường HCM đến giáp ranh xã Cây Trường II	TVT	1	2.300	2.300	0	0	
18	Nâng cấp BTXM đường số 80 xã Hưng Hòa	HH	1	3.300	3.300	0	0	
19	Nâng cấp BTXM đường ông Vy – ông Viên ấp 5 (Đường số 75) xã Hưng Hòa	HH	1	2.700	2.700	0	0	
20	Nâng cấp BTNN đường ấp Ông Thanh gồm tuyến Ông Thanh - Bà Triệu (số 13); tuyến Ông Tự - Bà Mộng (số 17); tuyến Ông Vê - 16B (số 18) và tuyến Ông Hải - Ông Thưởng (số 20) xã Cây Trường II	CT	1	4.000	4.000	0	0	
21	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 21 thị trấn Lai Uyên	LU	1	4.000	4.000	0	0	
22	Nâng cấp BTNN đường Ông Út Dâng-ông 6 Bảo (TT Lai Uyên - 40)	LU	1	3.000	0	0	3.000	Đã thực hiện nguồn vốn sự nghiệp
23	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến gổ Bình Định ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	3.500	3.500	0	0	
24	Nâng cấp BTNN đường nhà ông Hoàng râu đến đường 11, và hệ thống thoát nước dọc, ấp 2 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	4.500	4.500	0	0	
25	Nâng cấp BTNN đường nghĩa trang nhân dân xã Long Nguyên	LN	1	3.500	3.500	0	0	
26	Nâng cấp BTNN đường tổ 3 ấp Bung Thuốc xã Long Nguyên	LN	1	4.500	4.500	0	0	
27	Nâng cấp BTXM đường ấp 5 xã Hưng Hòa tuyến (số 43, 45, 53, 57)	HH	1	4.500	4.500	0	0	
28	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 1-4 đến giáp KCN chơn thành(đường cầu K13) xã Trừ Văn Thố	TVT	1	3.400	3.400	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HDND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	Nâng cấp BTXM đường nhà Ông Tường đến nhà Lê Quyên ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	3.500	3.500	0	0	
30	Nâng cấp BTXM đường nhà Ông Huỳnh đến KDC Trần Anh xã Trừ Văn Thố	TVT	1	3.400	3.400	0	0	
31	Nâng cấp BTXM đường ông Thọ - ông Thủy ấp 3 (đường số 82) xã Hưng Hòa	HH	1	300	300	0	0	
32	Nâng cấp BTXM đường ông Ly - ông Thắm ấp 5 (đường số 74) xã Hưng Hòa	HH	1	3.200	3.200	0	0	
33	Nâng cấp BTNN đường Bà 4 Nhật-ông 3 Bằng (TT Lai Uyên - 70)	LU	1	3.500	3.500	0	0	
34	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Lin - ông Lập ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	3.400	3.400	0	0	
35	Nâng cấp BTXM đường ĐT750 nhà hàng Hyunh Đường-đường HCM ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	3.000	3.000	0	0	
36	Nâng cấp BTXM đường ĐT 750 đến nhà Ông Thắng giáp suối Cây Trường II xã Trừ Văn Thố	TVT	1	3.000	3.000	0	0	
37	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 13 - Nhà ông Nghĩa xã Lai Hưng	LH	1	77	3.077	3.000	0	
38	Nâng cấp BTNN đường Ông Sỹ - Bàu Để (TT Lai Uyên - 64)	LU	1	2.250	2.250	0	0	
39	Nâng cấp BTXM đường ông Mạo - Bà Ngọc Thị Viện, ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.500	1.500	0	0	
40	Nâng cấp BTXM đường ông Tùng (Đường CCB) đến đường Rày xe Lửa, ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.400	1.400	0	0	
41	Nâng cấp BTNN đường DT 750 nhà Ông Minh đến trại heo ông Lập ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.500	1.500	0	0	
42	Nâng cấp BTXM đường HCM đến nhà Thành cửa Kính, ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.300	1.300	0	0	
43	Nâng cấp mở rộng Hội trường xã Lai Hưng	LH	1	1.950	1.950	0	0	
44	Nâng cấp BTNN đường tổ 4 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên	LN	1	1.550	1.550	0	0	
45	Nâng cấp BTNN đường Ông Đăng - Ông Thanh ấp Bàu Tứ xã Cây Trường	CT	1	950	950	0	0	
46	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 72 thị trấn Lai Uyên	LU	1	1.500	4.000	2.500	0	
47	Nâng cấp BTXM đường từ nhà 2 Ân đến nhà Trúc ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.000	1.000	0	0	
48	Nâng cấp BTXM đường từ Tây QL 13 đến QL 13 ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.400	1.400	0	0	
49	Nâng cấp BTXM đường trên địa bàn ấp 2 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.500	1.500	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
50	Nâng cấp Trụ sở Ủy ban xã Lai Hưng	LH	1	50	50	0	0	
51	Nâng cấp BTNN đường Khu dân cư ấp Bến Sắn – Trạm trung chuyển rác xã Long Nguyên	LN	1	3.600	3.600	0	0	
52	Nâng cấp BTXM đường xung quanh Trung tâm văn hóa xã Hưng Hòa	HH	1	50	50	0	0	
53	Nâng cấp BTNN đường Ông Hoàng - Ông Tuyển ấp Bàu Tứ xã Cây Trường	CT	1	2.550	2.550	0	0	
54	Nâng cấp BTNN đường Ông Lê Trọng Môn - ông Lê Duy Hùng (TT Lai Uyên - 75)	LU	1	3.550	3.550	0	0	
55	Nâng cấp BTNN đường Ông Bán (TT Lai Uyên - 74)	LU	1	3.500	3.500	0		
56	Nâng cấp BTXM đường trên địa bàn ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	1	1.550	1.550	0	0	
57	Cải tạo mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Tân Hưng	TH	1	50	50	0	0	
58	Sửa chữa hội trường UBND xã Tân Hưng và nhà làm việc khối vận	TH	1	1.550	1.550	0	0	
59	Di dời, cải tạo khu đất nghĩa trang cũ xã Tân Hưng	TH	1	50	50	0	0	
60	Cải tạo Khu di tích ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	LH	1	3.000	3.000	0	0	
61	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên 16, 22, 66, 86, 90 và đường tổ 01 Khu phố Đồng Sở, Thị trấn Lai Uyên	LU	1	4.500	3.600	0	900	
62	Nâng cấp Lắp đặt HTCS tuyến đường Lai Hưng-09; Lai Hưng-10; Lai Hưng-20; Lai Hưng-22; Lai Hưng-25 Lai Hưng 30; Lai Hưng-32; Lai Hưng-33; Lai Hưng-35 xã Lai Hưng	LH	1	3.300	3.300	0	0	
63	Nâng cấp BTNN đường Long Nguyên 21 và đường tổ 5 ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	1	5.100	5.100	0	0	
64	Gia cố chống sạt lở suối Đòn Gánh, ấp Hổ Muôn, xã Long Nguyên	LN	1	11.409	8.909	0	2.500	
65	Nâng cấp nhà tưởng niệm anh hùng Trừ Văn Thố	TVT	1	5.000	0	0	5.000	Chuyển đổi chủ đầu tư
66	Quy hoạch 234,2 ha SanMiguel PureFoods	LH	1	9.000	0	0	9.000	Chuyển nguồn vốn sự nghiệp
c	Trung tâm phát triển quỹ đất (01 công trình)		1	5.000	5.000	0	0	
1	Giải phóng mặt bằng các tuyến đường lô nông trường cao su do công ty cao su giải lại cho địa phương và các văn phòng ấp trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	1	5.000	5.000	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HDND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
d	Công an huyện (01 công trình)		1	5.000	5.000	0	0	
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	1	5.000	5.000	0	0	
B	VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN : 11 công trình		11	90.000	90.000	0	0	
I	Công trình chuyển tiếp: 09 công trình		9	60.000	60.000	0	0	
1	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	LU	1	13.570	13.570	0	0	
2	BTNN đường Lai Uyên -45 thị trấn Lai Uyên	LU	1	9.688	9.688	0	0	
3	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng-20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	LH	1	3.138	3.138	0	0	
4	BTNT đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	1	2.384	2.384	0	0	
5	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	1	10.450	10.450	0	0	
6	Tượng Đài huyện Bàu Bàng	LU	1	2.150	2.150	0	0	
7	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Bàu Bàng	LH	1	110	110	0	0	
8	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	1	4.150	4.150	0	0	
9	Xây dựng mới trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	1	14.360	14.360	0	0	
II	Chuẩn bị đầu tư, khởi công mới giai đoạn 2022 - 2025: 02 công trình		2	30.000	30.000	0	0	
1	Xây dựng mới hội trường UBND thị trấn Lai Uyên	LU	1	15.000	15.000	0	0	
2	Xây dựng hội trường UBND xã Hưng Hòa	HH	1	15.000	15.000	0	0	
C	VỐN THƯỜNG VƯỢT THU (09 công trình)		9	14.500	14.500	0	0	
I	Ban Quản lý dự án: 07 công trình		7	10.000	10.000	0	0	
1	Gói thiết bị Nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	1	1.600	1.600	0	0	
2	Xây dựng công viên Bàng Lãng thị trấn Lai Uyên	LU	1	400	400	0	0	
3	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	1	1.600	1.600	0	0	
4	Nhà ở tập thể Đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	1	1.200	1.200	0	0	
5	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT -749a xã Long Nguyên	LN	1	400	400	0	0	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên	LN	1	2.300	2.300	0	0	
7	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	LU	1	2.500	2.500	0	0	
II	Phòng Quản lý đô thị: 02 công trình		2	4.500	4.500	0	0	
1	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Cạn gồm tuyến Ông Cường - Ông Ân (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuân (số 38) xã Cây Trường	CT	1	4.000	4.000	0	0	
2	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tường Vy - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	LU	1	500	500	0	0	

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó							
			Vốn trong nước				Vốn nước ngoài			
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan đơn vị và cân đối NSDP	Chương trình mục tiêu Quốc gia	Chương trình mục tiêu		Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan đơn vị và cân đối NSDP	Chương trình mục tiêu Quốc gia	Chương trình mục tiêu
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	731,270	731,270	731,270						
I	Ban Quản lý dự án đầu tư khu vực huyện Bàu Bàng	451,293	451,293	451,293						
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	351,293	351,293	351,293						
2	Vốn ngân sách huyện	90,000	90,000	90,000						
3	Vốn thường vượt thu	10,000	10,000	10,000						
II	Phòng Quản lý đô thị huyện	268,053	268,053	268,053						
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	263,553	263,553	263,553						
2	Vốn thường vượt thu	4,500	4,500	4,500						
III	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	5,100	5,100	5,100						
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	5,100	5,100	5,100						
IV	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	1,824	1,824	1,824						
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1,824	1,824	1,824						
V	Công an huyện	5,000	5,000	5,000						
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	5,000	5,000	5,000						

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
VỐN TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
	TỔNG SỐ (A+B)					707,064	0	917,242	0	731,270		
A	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ					506,473		791,157		626,770		
A.1	Hạ tầng giao thông, công nghiệp					315,602		473,888		362,663		
I	Ban Quản lý dự án					94,004	0	143,054	0	106,260		
1	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấpTrảng Lớn, Sa Thém, Bến Sắn xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2023-2025	Số 583/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	10,189		10,189		10,000		
2	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Long Bình, Bung Thuộc, Mương Đào xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C					2,000		2,000		
3	BTNN đường Ông Rạng - Ông Tồng và Cao su Ông Hoàng đến Suối Đồng Bầy, ấp Bà Tứ xã Cây Trường	CT	Nhóm C					50		50		
4	BTNN đường Ông Hoàng - Cầu Bến Than ấp Bàu Tứ xã Cây Trường	CT	Nhóm C					6,950		6,950		
5	BTNN đường Ông Dương Nghĩa Đoàn - NTCS Tân Hưng (TT Lai Uyên - 80)	LU	Nhóm C					50		50		
6	BTNN đường Cầu Bà Lăng - Trung đoàn BB số 6 xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					5,050		5,050		
7	BTNN đường Ông 9 Cảnh-Giấy Vĩnh Phú - Ông Tề (TT Lai Uyên - 50)	LU	Nhóm C					4,600		4,600		
8	BTNN đường từ khu dân cư Nam Long đến trường Thiệu Niên III xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					50		50		
9	Đầu tư nâng cấp lưới điện tại một số khu vực ấp Bến Tượng, ấp Cầu Đôi và ấp Lai Khê, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					7,000		7,000		
10	BTNN đường tổ 3,5 ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					8,100		8,100		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
11	BTNN đường Lai Uyên-45 thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2022	Số 3892/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	12,404		12,404		2,000		
12	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749c xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2021-2022	Số 3014/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	3,680		3,680		3,650		
13	Đầu tư mới, mở rộng lưới điện một số khu vực trên địa bàn TT Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2022	Số 3012/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	14,788		14,788		13,694		
14	Đầu tư mới, mở rộng lưới điện một số khu vực trên địa bàn xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2022	Số 3013/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	7,895		7,895		7,196		
15	BTNN đường ấp Mương Đào xã Long Nguyên	LN	Nhóm C							100		
16	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng-20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường lán nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2019-2021	Số 2918/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	8,678		8,678		500		
17	BTNN đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2020-2021	Số 2920/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	10,139		10,139		900		
18	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1, 4 xã Trừ Văn Thố.	TVT	Nhóm C	2020-2021	Số 2924/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	3,270		3,270		1,578		
19	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2922/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	4,686		4,686		2,260		
20	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt , thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2923/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	2,500		2,500		1,232		
21	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2022-2024	Số 468/QĐ-UBND ngày 01/3/2022	8,954		8,954		6,600		
22	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749a xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2023-2025	Số 2943/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	6,821		6,821		7,500		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
23	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch (khu đất 86,425m2), xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					15,000		15,000		
24	Nâng cấp BTNT đường liên ấp 2, 3, 4 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					100		100		
25	Nâng cấp BTNN đường ĐH618 và hệ thống thoát nước (Trường MN Lai Uyên - đường ĐT741C)	LU	Nhóm C					100		100		
II	Phòng Quản lý đô thị					221,598	0	330,834	0	256,403		
1	Nâng cấp BTNN đường nhà Anh Tiến - Ông Hai Quán xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2023-2025	Số 336/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	6,778		6,778		6,100		
2	Nâng cấp BTNN đường từ Đất ông Phô - Giáp ngã 3 ông Út Lý xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2023-2025	Số 834/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	5,219		5,219		5,200		
3	Nâng cấp BTXM đường tổ 1,4,5 ấp Bà Phái, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2023-2025	Số 361/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	6,865		6,865		6,400		
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 1,2 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên (gồm 02 nhánh)	LN	Nhóm C	2023-2025	Số 334/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	7,028		7,028		6,300		
5	Nâng cấp BTXM đường ấp 3 xã Hưng Hòa các tuyến số 18, 24, 30, 36, 46, 48)	HH	Nhóm C	2023-2025	Số 841/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	5,179		5,179		5,500		
6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến Cao su Bà Thanh đến Cao su Becamex và tuyến Ông Nghiệp - Ông Quân ấp Bà Tử- Cây Trường	CT	Nhóm C	2023-2025	Số 309/QĐ-UBND ngày 23/2/2023	6,821		6,821		6,200		
7	Nâng cấp BTNN đường ông 5 Sừ (TT Lai Uyên 73)	LU	Nhóm C	2023-2025	Số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	4,319		4,319		3,900		
8	Nâng cấp BTNN đường Ông Tú Trang-ông 4 Tấn (TT Lai Uyên - 60)	LU	Nhóm C	2023-2025	Số 309/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	6,133		6,133		5,500		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
9	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Mạo đến nhà ông Phước, tổ 8 ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					2,900		2,900		
10	Nâng cấp BTNN đường từ ĐT 750 đến nhà ông Duyên ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2023-2025	Số 307/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	2,144		2,144		2,000		
11	Nâng cấp BTXM đường HCM đến giáp ranh xã Cây Trường II	TVT	Nhóm C	2023-2025	Số 308/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	2,546		2,546		2,300		
12	Nâng cấp BTXM Đường số 80 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					3,300		3,300		
13	Nâng cấp BTXM đường ông Vy – ông Viên ấp 5 (Đường số 75) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					2,700		2,700		
14	Nâng cấp BTNN đường ấp Ông Thanh gồm tuyến Ông Thanh - Bà Triệu (số 13); tuyến Ông Tự - Bà Mộng (số 17); tuyến Ông Vẽ - 16B (số 18) và tuyến Ông Hải - Ông Thường (số 20) xã Cây Trường II	CT	Nhóm C					4,000		4,000		
15	Nâng cấp BTNN đường Ông Trọng Giàu-NTCS Sài Gòn (TT Lai Uyên - 21)	LU	Nhóm C					4,000		4,000		
16	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến gổ Bình Định ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,500		3,500		
17	Nâng cấp BTNN đường nhà ông Hoàng râu đến đường 11, và hệ thống thoát nước dọc, ấp 2 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					4,500		4,500		
18	Nâng cấp BTNN đường nghĩa trang nhân dân xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					3,500		3,500		
19	Nâng cấp BTNN đường tổ 3 ấp Bung Thuộc xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					4,500		4,500		
20	Nâng cấp BTXM đường ấp 5 xã Hưng Hòa tuyến (số 43, 45, 53, 57)	HH	Nhóm C					4,500		4,500		
21	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 1-4 đến giáp KCN chơn thành(đường cầu K13) xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,400		3,400		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
22	Nâng cấp BTXM đường nhà Ông Tường đến nhà Lê Quyên ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,500		3,500		
23	Nâng cấp BTXM đường nhà Ông Hyunh đến KDC Trần Anh xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,400		3,400		
24	Nâng cấp BTXM đường ông Thọ - ông Thúi ấp 3 (đường số 82) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					300		300		
25	Nâng cấp BTXM đường ông Ly – ông Thắm ấp 5 (đường số 74) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					3,200		3,200		
26	Nâng cấp BTNN đường Bà 4 Nhật-ông 3 Bằng (TT Lai Uyên - 70)	LU	Nhóm C					3,500		3,500		
27	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Lin - ông Lập ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,400		3,400		
28	Nâng cấp BTXM đường ĐT750 nhà hàng Hyunh Đường-đường HCM ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,000		3,000		
29	Nâng cấp BTXM đường ĐT 750 đến nhà Ông Thắng giáp suối Cây Trường II xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,000		3,000		
30	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 13 - Nhà ông Nghĩa xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					3,077		3,077		
31	Nâng cấp BTNN đường Ông Sỹ-Bầu Để (TT Lai Uyên - 64)	LU	Nhóm C					2,250		2,250		
32	Nâng cấp BTXM đường ông Mạo - Bà Ngộ Thị Viện, ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,500		1,500		
33	Nâng cấp BTXM đường ông Tùng (Đường CCB) đến đường Rày xe Lửa, ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,400		1,400		
34	Nâng cấp BTNN đường DT 750 nhà Ông Minh đến trại heo ông Lập ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,500		1,500		
35	Nâng cấp BTXM đường HCM đến nhà Thành cửa Kính, ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,300		1,300		
36	Nâng cấp BTNN đường tổ 4 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					1,550		1,550		
37	Nâng cấp BTNN đường Ông Đăng - Ông Thanh ấp Bầu Tử xã Cây Trường	CT	Nhóm C					950		950		
38	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 72 thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C					4,000		4,000		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
39	Nâng cấp BTXM đường từ nhà 2 Ân đến nhà Trúc ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,000		1,000		
40	Nâng cấp BTXM đường từ Tây QL 13 đến QL 13 ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,400		1,400		
41	Nâng cấp BTXM đường trên địa bàn ấp 2 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,500		1,500		
42	Nâng cấp BTNN đường Khu dân cư ấp Bến Sắn – Trạm trung chuyển rác xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					3,600		3,600		
43	Nâng cấp BTXM đường xung quanh Trung tâm văn hóa xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					50		50		
44	Nâng cấp BTNN đường Ông Hoàng - Ông Tuyển ấp Bàu Tứ xã Cây Trường	CT	Nhóm C					2,550		2,550		
45	Nâng cấp BTNN đường Ông Lê Trọng Môn - ông Lê Duy Hùng (TT Lai Uyên - 75)	LU	Nhóm C					3,550		3,550		
46	Nâng cấp BTNN đường Ông Bàn (TT Lai Uyên - 74)	LU	Nhóm C					3,500		3,500		
47	Nâng cấp BTXM đường trên địa bàn ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					1,550		1,550		
48	Nâng cấp BTNN đường GTNT ấp Bến Sắn (gồm 02 nhánh) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2020-2021	Số 2075/QĐ-UBND ngày 10/10/2019	6,568		6,568		2,272		
49	Nâng cấp BTNN đường tổ 4 ấp Bưng Thuộc (ĐT749a – trại heo An Tâm) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2020-2021	Số 2081/QĐ-UBND ngày 10/10/2019	6,087		6,087		237		
50	Nâng cấp BTNN đường liên ấp Bưng Thuộc – Bến Sắn xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2020-2021	Số 2082/QĐ-UBND ngày 10/10/2019	3,149		3,149		677		
51	Nâng cấp BTNN đường từ ngã ba đường đất - ông bà Ton ấp Bến Tượng xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2020-2021	Số 2114/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	3,593		3,593		996		
52	Nâng cấp BTNN đường từ đông QL13 đi ĐT750 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2020-2021	Số 2115/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	7,919		7,919		838		
53	Nâng cấp BTNN đường từ đường ĐH 618 - nhà nghỉ Hương Quê, TT Lai Uyên	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2281/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	8,671		8,671		1,501		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
54	Nâng cấp BTNN đường tổ 8, Khu phố Cây Sắn TT Lai Uyên	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2283/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	4,945		4,945		1,725		
55	Nâng cấp BTNN đường ông Xoa – Bà Khứu, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2020-2021	Số 2116/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	1,285		1,285		285		
56	Nâng cấp BTNN đường Ông Cương - Ông Thương, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2020-2021	Số 2229/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	1,125		1,125		220		
57	Nâng cấp BTNN đường cầu sắt – Trại heo, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2020-2021	Số 2230/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	5,538		5,538		1,279		
58	Nâng cấp BTNN đường ông Nga – ông Quang, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2020-2021	Số 2231/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	1,217		1,217		406		
59	Nâng cấp BTXM đường từ nhà Ông Quy – Bà Đào xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2020-2021	Số 2239/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	1,519		1,519		232		
60	Nâng cấp BTXM đường từ nhà Ông Luận- Bà The xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2020-2021	Số 2240/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	2,060		2,060		585		
61	Nâng cấp BTXM đường từ nhà Ông Tiến- Ông Tạo xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2020-2021	Số 2241/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	2,274		2,274		777		
62	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 1 (từ nhà bà Xuân - nhà ông Quỳ) xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2020-2021	Số 2251/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	5,374		5,374		965		
63	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 5 (từ nhà ông Xê - ông Lang) xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2020-2021	Số 2252/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	6,269		6,269		2,242		
64	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 4 (từ nhà ông Thuận - xóm Tiền Giang) xã Tân Hưng	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2253/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	5,547		5,547		277		
65	Nâng cấp BTXM đường nhà ông 6 Bảo - nhà ông Minh cựu chiến binh khu phố Cây sắn, Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2286/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4,905		4,905		1,532		
66	Nâng cấp BTXM đường từ Quốc lộ 13 đến nhà bà Nguyễn Thị Thắm khu phố Cây Sắn , Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2285/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1,364		1,364		342		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
67	Nâng cấp BTXM đường từ nhà ông Lê Cửu đến nhà ông Đỗ Văn Liêm, khu phố Bàu Bàng, Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2020-2021	Số 2282/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1,530		1,530		243		
68	Nâng cấp BTXM đường ông Nam và Bà Sự xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2019-2021	Số 146/QĐ-UBND ngày 16/6/2018	1,215		1,215		302		
69	Nâng cấp BTXM đường Nhà bà 9 Lửa, xã Lai Hưng,	LH	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	7,168		7,168		6,631		
70	Duy tu sửa chữa Đường ĐH 620 (đoạn từ ngã 3 Bến tượng giáp QL13 - Cầu Bến tượng, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	14,971		14,971		14,815		
71	Nâng cấp sồi dò đường trại bò Ông Đệ - ĐH614, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	3,714		3,714		3,430		
72	Nâng cấp BTNN đường từ nhà Ông Cừ - Bà Lê xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	4,147		4,147		3,840		
73	Nâng cấp BTNN đường tổ 1A ấp Suối Tre xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	6,145		6,145		5,811		
74	Nâng cấp BTXM đường ông Thọ - bà Tiêu ấp 3 (Đường số 81) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	3,249		3,249		3,004		
75	Nâng cấp BTNN đường nhà máy nước đến đường liên ấp 1-4 Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	3,814		3,814		3,530		
76	Nâng cấp BTNN đường Xóm Tiền Giang (thị trấn Lai Uyên -73)	LU	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	7,455		7,455		7,000		
77	Nâng cấp BTNN đường trại heo Ông Hoàng đến Trường THCS Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	4,840		4,840		4,570		
78	Nâng cấp BTXM đường ông Tuấn - ông Hải ấp 1 (Đường số 87) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2022-2023	Số 3888/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1,129		1,129		1,113		
79	Nâng cấp BTXM đường ấp 1 Hưng Hòa gồm các tuyến số (05, 13, 15, 25, 89, 91)	HH	Nhóm C	2022-2023	Số 3891/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	2,279		2,279		2,350		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
80	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Cạn gồm tuyến Ông Cường - Ông Ân (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuân (số 38) xã Cây Trường	CT	Nhóm C	2022-2023	Số 3892/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	8,627		8,627		5,540		
81	Nâng cấp BTNN đường DT 750 đến nhà Ông Nghĩa ấp 3 Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023	Số 3889/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	3,918		3,918		4,300		
82	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tường Vy - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 3890/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	2,145		2,145		1,900		
83	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên 16, 22, 66, 86, 90 và đường tổ 01 Khu phố Đồng Sô, Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2023-2025	Số 335/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	3,799		3,799		3,600		
84	Nâng cấp Lắp đặt HTCS tuyến đường Lai Hưng-09; Lai Hưng-10; Lai Hưng-20; Lai Hưng-22; Lai Hưng-25 Lai Hưng 30; Lai Hưng-32; Lai Hưng-33; Lai Hưng-35 xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2023-2025	Số 338/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	3,846		3,846		3,300		
85	Nâng cấp BTNN đường Long Nguyên 21 và đường tổ 5 ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2023-2025	Số 337/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	5,166		5,166		5,100		
86	Gia cố chống sạt lở suối Đồn Gánh, ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					8,909		8,909		
A.2	Quản lý nhà nước					187,350		281,700		228,712		
I	Ban Quản lý dự án					187,350	0	278,050	0	219,962	0	
1	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C			5,000		5,000		5,000		
2	Xây dựng mới văn phòng ấp Ông Chài xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2023-2025	Số 1075/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	5,355		5,355		5,000		
3	Xây mới văn phòng ấp 2 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					5,100		5,100		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
4	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Sắt xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2023-2025	Số 1076/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	6,861		6,861		6,800		
5	Xây dựng mới kho lưu trữ UBND xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					50		50		
6	Xây dựng mới văn phòng ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2023-2025	Số 1096/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	5,032		5,032		5,000		
7	Xây dựng mới văn phòng ấp Nhà Mát xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					3,000		3,000		
8	Xây dựng mới Trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2023-2025	Số 626/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	44,994		44,994		30,000		
9	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2022	Số 1043/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	11,358		11,358		11,237		
10	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2020-2022	Số 2597/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	39,425		39,425		5,300		
11	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2022	Số 2561/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	10,550		10,550		10,086		
12	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2021-2022	Số 3081//QĐ-UBND ngày 02/8/2021	5,090		5,090		5,000		
13	Xây dựng mới văn phòng một cửa UBND xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2021-2022	Số 2562/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	3,829		3,829		3,800		
14	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đồng Sở thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2022	Số 2560/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	5,263		5,263		5,000		
15	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2022	Số 2785/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	3,975		3,975		3,700		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
16	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2022	Số 2783/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	4,908		4,908		4,800		
17	Xây mới văn phòng ấp 1 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2022	Số 3080/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	5,069		5,069		5,000		
18	Xây mới văn phòng ấp 5 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2022	Số 3079/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	5,085		5,085		5,000		
19	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2024	Số 3248/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	14,504		14,504		8,539		
20	Xây dựng công viên Bằng Lăng thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C					2,500		2,500		
21	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Đôi xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					4,600		4,600		
22	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					4,400		4,400		
23	Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C					4,900		4,900		
24	Xây dựng mới văn phòng ấp Suối Tre xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					3,000		3,000		
25	Xây dựng mới văn phòng ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2023-2025	Số 1073/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	5,117		5,117		5,000		
26	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Phái xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					3,000		3,000		
27	Xây mới văn phòng ấp 3 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					5,000		5,000		
28	Xây mới văn phòng ấp 4 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					5,000		5,000		
29	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					5,000		5,000		
30	Xây dựng phòng tiếp dân thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C					50		50		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
31	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Tử xã Cây Trường	CT	Nhóm C	2023-2025	Số 1074/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	5,935		5,935		5,000		
32	Xây dựng Nhà Văn hóa khu phố Bàu Hốt TT Lai Uyên	LU	Nhóm C					5,000		5,000		
33	Xây dựng mới văn phòng ấp 5 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					2,500		2,500		
34	Xây dựng mới văn phòng ấp 1 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					2,500		2,500		
35	Xây dựng mới văn phòng ấp 6 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					2,500		2,500		
36	Xây dựng mới các trụ sở làm việc BCH Quân sự các xã, thị trấn	Các xã, thị trấn	Nhóm C					50		50		
37	Xây dựng mới hội trường UBND thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C					7,000		7,000		
38	Xây dựng hội trường UBND xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					6,000		6,000		
39	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					50		50		
40	Cải tạo, sửa chữa Hội trường huyện và nhà ăn huyện ủy	LU	Nhóm C					4,000		4,000		
41	Xây dựng nhà kho tang vật huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C					2,500		2,500		
42	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	Nhóm C					8,000		8,000		
43	Nâng cấp nhà tường niệm anh hùng Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,000		3,000		
44	Nâng cấp lưới điện xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					2,000		2,000		
II	Phòng Quản lý đô thị					0		3,650		3,650		
1	Nâng cấp mở rộng Hội trường xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					1,950		1,950		
2	Nâng cấp Trụ sở Ủy ban xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					50		50		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
3	Cải tạo mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					50		50		
4	Sửa chữa hội trường UBND xã Tân Hưng và nhà làm việc khối vận	TH	Nhóm C					1,550		1,550		
5	Di dời, cải tạo khu đất nghĩa trang cũ xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					50		50		
III	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Bàu Bàng					0		5,100	0	5,100		
1	Dự án tổng thể GPMB khu đất công 60.602,9m ấp 6 Hưng Hòa	LU	Nhóm C					100		100		
2	Giải phóng mặt bằng các tuyến đường lô nông trường cao su do công ty cao su giải lại cho địa phương và các văn phòng ấp trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	Nhóm C					5,000		5,000		
A.3	An ninh, Quốc phòng					0		26,598	0	26,424		
I	Ban Quản lý dự án					0		19,600		19,600		
1	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	Nhóm C					8,100		8,100		
2	Nhà ở tập thể đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C					11,500		11,500		
II	Ban chỉ huy Quân sự huyện					1,998		1,998		1,824		
1	Nhà bán áo Ban chỉ huy quân sự huyện	LU	Nhóm C			1,998		1,998		1,824		
III	Công an huyện							5,000		5,000		
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Bàu Bàng							5,000		5,000	r	
A.4	Hạ tầng văn hóa, xã hội					3,521		8,971		8,971		
I	Ban Quản lý dự án					3,521	0	5,471	0	5,471		
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trung tâm văn hóa xã Cây Trông	CT	Nhóm C					50		50		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
2	Xây dựng bể bơi và các phòng phục vụ bể bơi xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					50		50		
3	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã Lai Hưng (Giai đoạn 2)	LH	Nhóm C					50		50		
4	Xây dựng mới Trung tâm Văn Hóa xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					50		50		
5	Xây dựng mới hàng rào và nhà Quán trang nghĩa trang nhân dân xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					50		50		
6	Trung tâm văn hóa xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2019-2021	Số 2088/QĐ-UBND ngày 10/10/2019	3,521		221		221		
7	Xây dựng nhà thi đấu đa năng - Trung tâm văn hóa	LU	Nhóm C					5,000		5,000		
II	Phòng Quản lý đô thị					0		3,500	0	3,500		
1	Nâng cấp, mở rộng Trung Tâm Văn Hóa và xây dựng Sân bóng đá Mini xã Tân Hưng	TH	Nhóm C					500		500		
2	Cải tạo Khu di tích ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	LH	Nhóm C					3,000		3,000		
B	VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN					94,979		111,585		90,000		
B.1	Hạ tầng giao thông, công nghiệp					31,221		31,221		15,210		
	Ban Quản lý dự án					31,221		31,221		15,210		
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					31,221		31,221		15,210		
1	BTNN đường Lai Uyên-45 thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2022	Số 3892/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	12,404		12,404		9,688		
2	BTTT đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2020-2021	Số 2920/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	10,139		10,139		2,384		
3	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng-20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2019-2021	Số 2918/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	8,678		8,678		3,138		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
B.2	Quản lý nhà nước					53,929		43,575		47,720		
I	Chuẩn bị đầu tư					0		30,000		30,000		
1	Xây dựng mới hội trường UBND thị trấn Lai Uyên	LU						15,000		15,000		
2	Xây dựng hội trường UBND xã Hưng Hòa	HH						15,000		15,000		
II	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					53,929		43,575		17,720		
1	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2020-2022	Số 2597/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	39,425		39,425		13,570		
2	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 3248 ngày 09/9/2022	14,504		4,150		4,150		
B.3	Hạ tầng văn hóa, xã hội					9,829		36,789		27,070		
	Ban Quản lý dự án					9,829		36,789		27,070		
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					9,829	0	36,789	0	27,070		
1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Bàu Bàng	LH	Nhóm C	2019-2021	Số 2117/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	9,829		9,829		110		
2	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	Nhóm C					10,450		10,450		
3	Tượng Đài huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C					2,150		2,150		
4	Xây dựng mới Trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C					14360		14360		
C	VỐN THƯỜNG VƯỢT THU					105,612	0	14,500	0	14,500		
C.1	Quản lý nhà nước					66,268	0	6,100	0	6,100		
	Ban Quản lý dự án					66,268	0	6,100	0	6,100		
	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					66,268	0	6,100	0	6,100		
1	Gói thiết bị Nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 3248 ngày 09/9/2022	14,504		1,600		1,600		
2	Xây dựng công viên Bàng Lãng thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 4372 ngày 06/12/2021	2,582		400		400		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn vốn trong nước 2021-2025		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
3	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 1192 ngày 29/4/2022	9,757		1,600		1,600		
4	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2021-2022	số 2597 ngày 16/10/2020	39,425		2,500		2,500		
C.2	An ninh, Quốc phòng					12,797	0	1,200	0	1,200		
	Ban Quản lý dự án					12,797	0	1,200	0	1,200		
	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					12,797	0	1,200	0	1,200		
1	Nhà ở tập thể Đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 1193 ngày 29/4/2022	12,797		1,200		1,200		
C.3	Hạ tầng giao thông, công nghiệp					26,547	0	7,200	0	7,200		
	Ban Quản lý dự án					15,775	0	2,700	0	2,700		
	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					15,775	0	2,700	0	2,700		
1	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT -749a xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 2943 ngày 25/8/2022	6,821		400		400		
2	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 468 ngày 01/3/2022	8,954		2,300		2,300		
	Phòng Quản lý đô thị					10,772	0	4,500	0	4,500		
	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					10,772	0	4,500	0	4,500		
1	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Cạn gồm tuyến Ông Cường - Ông Ân (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuân (số 38) xã Cây Trường	CT	Nhóm C	2021-2022	Số 3892 ngày 14/10/2023	8,627		4,000		4,000		
2	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tường Vy - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	LU	Nhóm C	2021-2022	Số 3890 ngày 14/10/2026	2,145		500		500		

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI
(VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 05 NĂM...**

(Không thực hiện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư							Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn					Ghi chú
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo đồng Việt Nam)				
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra đồng Việt Nam			Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương		Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương	Vốn nước ngoài (tính theo đồng Việt Nam)		
							Ngân sách trung ương	Nguồn vốn khác												
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số																			
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH.....																			
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (XÃ)....																			
1	Chuẩn bị đầu tư																			
-	Dự án A																			
-																				
2	Thực hiện dự án																			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm ... sang giai đoạn 5 năm																			
-	Dự án B																			
-																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm																			
-	Dự án C																			
-																				
II	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (XÃ)....																			
	Phân loại như trên																			
B	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH...																			
	Phân loại như mục A nêu trên																			
-																				

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bầu Bàng)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022				Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2023				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	NS trung ương		Ngân sách huyện	Ngoài nước	NS trung ương		Ngân sách huyện	Ngoài nước	NS trung ương		Ngân sách huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ (A+B)					125,781,021	0	0	125,781,021	86,264,718	0	0	86,264,718	63,761,000	0	0	63,761,000	131,816,000	0	0	131,816,000
A	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ					111,277,519	0	0	111,277,519	85,114,718	0	0	85,114,718	62,561,000	0	0	62,561,000	121,816,000	0	0	121,816,000
A.1	Hạ tầng giao thông, công nghiệp					29,644,472	0	0	29,644,472	18,509,000	0	0	18,509,000	18,509,000	0	0	18,509,000	62,502,000	0	0	62,502,000
	Ban Quản lý dự án					8,954,307	0	0	8,954,307	4,700,000	0	0	4,700,000	4,700,000	0	0	4,700,000	18,396,000	0	0	18,396,000
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150,000	0	0	150,000
1	Đầu tư nâng cấp lưới điện tại một số khu vực áp Bến Tượng, áp Cầu Đồi và áp Lai Khê xã Lai Hưng	LN	Nhóm C															50,000			50,000
2	Nâng cấp BTNT đường liên ấp 2, 3, 4 xã Tân Hưng	CT	Nhóm C															50,000			50,000
3	Nâng cấp BTNN đường ĐH618 và hệ thống thoát nước (Trường MN Lai Uyên - đường ĐT741C)	LU	Nhóm C															50,000			50,000
II	Thực hiện dự án					8,954,307	0	0	8,954,307	4,700,000	0	0	4,700,000	4,700,000	0	0	4,700,000	18,246,000	0	0	18,246,000
	Dự án chuyển tiếp					8,954,307	0	0	8,954,307	4,650,000	0	0	4,650,000	4,650,000	0	0	4,650,000	13,246,000	0	0	13,246,000
1	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Mườn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2022-2023	Số 468 ngày 01/3/2022	8,954,307			8,954,307	4,650,000			4,650,000	4,650,000			4,650,000	1,950,000			1,950,000
2	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749a xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2022-2023		0				0				0				2,100,000			2,100,000
3	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch (khu đất 86,425m2), xã Long Nguyên	LU	Nhóm C	2022-2023		0				0				0				9,196,000			9,196,000
	Khởi công mới					0	0	0	0	50,000	0	0	50,000	50,000	0	0	50,000	5,000,000	0	0	5,000,000
1	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Trảng Lớn, Sa Thém, Bến Sắn xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	5,000,000			5,000,000
	Phòng Quản lý đô thị					20,690,165	0	0	20,690,165	13,809,000	0	0	13,809,000	13,809,000	0	0	13,809,000	41,106,000	0	0	41,106,000
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300,000	0	0	300,000
1	Nâng cấp BTXM đường số 80 xã Hưng Hòa	LH	Nhóm C															50,000			50,000
2	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 21 thị trấn Lai Uyên	LH	Nhóm C															50,000			50,000
3	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến gò Bình Định ấp 3 xã Trù Văn Thố	LN	Nhóm C															50,000			50,000
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 3 ấp Bung Thuộc xã Long Nguyên	LN	Nhóm C															50,000			50,000
5	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 13 - Nhà ông Nghĩa xã Lai Hưng	HH	Nhóm C															50,000			50,000
6	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 72 thị trấn Lai Uyên	CT	Nhóm C															50,000			50,000
II	Thực hiện dự án					20,690,165	0	0	20,690,165	13,809,000	0	0	13,809,000	13,809,000	0	0	13,809,000	40,806,000	0	0	40,806,000
	Dự án chuyển tiếp					20,690,165	0	0	20,690,165	13,059,000	0	0	13,059,000	13,059,000	0	0	13,059,000	2,006,000	0	0	2,006,000
1	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Cạn gồm tuyến Ông Cường Ông An (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuẩn (số 38) xã Cây Trươi	LH	Nhóm C	2022-2023	Số 1589 ngày 01/6/2022	10,269,615			10,269,615	4,050,000			4,050,000	4,050,000			4,050,000	1,490,000			1,490,000
2	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến nhà Ông Nghĩa ấp 3 Trù Văn Thố	LH	Nhóm C	2022-2023	Số 1595 ngày 01/6/2022	4,488,999			4,488,999	4,072,000			4,072,000	4,072,000			4,072,000	200,000			200,000

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				31/12/2022											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
3	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tương Vỹ - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	CT	Nhóm C	2022-2023	Số 1588 ngày 01/6/2022	2,523,175			2,523,175	1,650,000			1,650,000	1,650,000			1,650,000	250,000			250,000
4	Nâng cấp BTXM đường ông Tuấn - ông Hải ấp 1 (Đường số 87) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2022-2023	Số 307 ngày 17/02/2022	1,129,014			1,129,014	1,083,000			1,083,000	1,083,000			1,083,000	22,000			22,000
5	Nâng cấp BTXM đường ấp 1 Hưng Hòa gồm các tuyến số (05, 13, 15, 25, 89, 91)	HH	Nhóm C	2022-2023	Số 306 ngày 17/02/2022	2,279,362			2,279,362	2,204,000			2,204,000	2,204,000			2,204,000	44,000			44,000
	Khởi công mới					0	0	0	0	750,000	0	0	750,000	750,000	0	0	750,000	38,800,000	0	0	38,800,000
1	Nâng cấp BTNN đường nhà Anh Tiến - Ông Hai Quán xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
2	Nâng cấp BTNN đường từ Đát ông Phó - Giáp ngã 3 ông Ủt Lý xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,000,000			2,000,000
3	Nâng cấp BTXM đường tổ 1,4,5 ấp Bà Phái, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,800,000			3,800,000
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 1,2 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên (gồm 02 nhánh)	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,000,000			3,000,000
5	Nâng cấp BTXM đường ấp 3 xã Hưng Hòa các tuyến số 18, 24, 30, 36, 46, 48)	HH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến Cao su Bà Thanh đến Cao su Becamex và tuyến Ông Nghiệp - Ông Quân ấp Bà Tú - Cây Trường	CT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	4,000,000			4,000,000
7	Nâng cấp BTNN đường ông 5 Sứ (TT Lai Uyên 73)	LU	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
8	Nâng cấp BTNN đường Ông Tú Trang-ông 4 Tấn (TT Lai Uyên - 60)	LU	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
9	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Mao đến nhà ông Phước, tổ 8 ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	1,500,000			1,500,000
10	Nâng cấp BTNN đường từ ĐT 750 đến nhà ông Duyên ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	1,500,000			1,500,000
11	Nâng cấp BTXM đường HCM đến giáp ranh xã Cây Trường II	TVT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	1,500,000			1,500,000
12	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên 16, 22, 66, 86, 90 và đường tổ 01 Khu phố Đồng Sở, Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2022-2023						100,000			100,000	100,000			100,000	2,500,000			2,500,000
13	Nâng cấp Lắp đặt HTCS tuyến đường Lai Hưng-09; Lai Hưng-10; Lai Hưng-20; Lai Hưng-22; Lai Hưng-25 Lai Hưng 30; Lai Hưng-32; Lai Hưng-33; Lai Hưng-35 xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,000,000			2,000,000
14	Nâng cấp BTNN đường Long Nguyên 21 và đường tổ 5 ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,000,000			2,000,000
15	Gia cố chống sạt lở suối Đòn Gánh, ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						0			0	0			0	4,000,000			4,000,000
	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện																	3,000,000			3,000,000
I	Khởi công mới																	3,000,000			3,000,000
1	Giai phóng mặt bằng các tuyến đường lộ nông trường cao su do công ty cao su giao lại cho địa phương và các văn phòng ấp trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	Nhóm C	2022-2023														3,000,000			3,000,000
A.2	Quản lý nhà nước					59,079,329	0	0	59,079,329	44,052,000	0	0	44,052,000	44,052,000	0	0	44,052,000	50,484,000	0	0	50,484,000
	Ban Quản lý dự án					59,079,329	0	0	59,079,329	44,052,000	0	0	44,052,000	44,052,000	0	0	44,052,000	50,484,000	0	0	50,484,000
1	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	800,000	0	0	800,000

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				31/12/2022											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
1	Xây mới văn phòng ấp 3 xã Tân Hưng	CT	Nhóm C															50,000			50,000
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Hưng Hòa	TH	Nhóm C															50,000			50,000
3	Xây dựng Nhà Văn hóa khu phố Bàu Hốt TT Lai Uyên	LH	Nhóm C															50,000			50,000
4	Xây dựng mới hội trường xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C															50,000			50,000
5	Xây dựng mới hội trường UBND thị trấn Lai Uyên	HH	Nhóm C															50,000			50,000
6	Xây dựng nhà kho tàng vật huyện Bàu Bàng	HH	Nhóm C															500,000			500,000
7	Xây dựng văn phòng ấp Bà Phái xã Long Nguyên	HH	Nhóm C															50,000			50,000
II	Thực hiện dự án					59,079,329	0	0	59,079,329	44,052,000	0	0	44,052,000	44,052,000	0	0	44,052,000	49,684,000	0	0	49,684,000
	Dự án chuyển tiếp					59,079,329	0	0	59,079,329	43,652,000	0	0	43,652,000	43,652,000	0	0	43,652,000	12,619,000	0	0	12,619,000
1	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 2561 ngày 24/6/2021	10,550,000			10,550,000	9,550,000			9,550,000	9,550,000			9,550,000	536,000			536,000
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2021-2023	Số 3081 ngày 02/8/2021	5,090,000			5,090,000	4,000,000			4,000,000	4,000,000			4,000,000	1,000,000			1,000,000
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2023	Số 2783 ngày 07/7/2021	4,908,000			4,908,000	3,500,000			3,500,000	3,500,000			3,500,000	1,300,000			1,300,000
4	Xây mới văn phòng ấp 1 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2023	Số 3080 ngày 02/8/2021	5,069,000			5,069,000	2,360,000			2,360,000	2,360,000			2,360,000	2,400,000			2,400,000
5	Xây mới văn phòng ấp 5 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2023	Số 3079 ngày 02/8/2021	5,085,000			5,085,000	3,381,000			3,381,000	3,381,000			3,381,000	1,600,000			1,600,000
6	Xây dựng công viên Bàng Lãng thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 4372 ngày 06/12/2021	2,581,674			2,581,674	1,550,000			1,550,000	1,550,000			1,550,000	500,000			500,000
7	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Đồi xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2021-2023	Số 585 ngày 17/3/2022	4,991,260			4,991,260	2,550,000			2,550,000	2,550,000			2,550,000	2,050,000			2,050,000
8	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 4851 ngày 30/12/2021	4,471,502			4,471,502	3,478,000			3,478,000	3,478,000			3,478,000	313,000			313,000
9	Xây dựng mới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 2540 ngày 03/8/2022	4,974,764			4,974,764	2,350,000			2,350,000	2,350,000			2,350,000	2,500,000			2,500,000
10	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2023	Số 1043 ngày 09/3/2021	11,358,129			11,358,129	10,933,000			10,933,000	10,933,000			10,933,000	420,000			420,000
	Khởi công mới					0	0	0	0	400,000	0	0	400,000	400,000	0	0	400,000	37,065,000	0	0	37,065,000
1	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	50,000			50,000
2	Xây dựng mới văn phòng ấp Ông Chải xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
3	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Tú xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
4	Xây mới văn phòng ấp 2 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	50,000			50,000
5	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Sắt xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
7	Xây dựng mới văn phòng ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
8	Xây dựng mới văn phòng ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
9	Xây dựng mới Trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2024						50,000			50,000	50,000			50,000	13,465,000			13,465,000
10	Cải tạo, sửa chữa Hội trường huyện và nhà ăn huyện ủy	LU	Nhóm C	2022-2024						0			0	0			0	3,000,000			3,000,000
11	Nâng cấp nhà tưởng niệm anh hùng Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2024						0			0	0			0	1,500,000			1,500,000
12	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	Nhóm C	2022-2024						0			0	0			0	2,000,000			2,000,000
13	Xây dựng mới văn phòng ấp Suối tre xã Long Nguyên	HH	Nhóm C	2022-2024						0			0	0			0	1,500,000			1,500,000

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				31/12/2022											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
A.3	An ninh, Quốc phòng					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,780,000	0	0	6,780,000
	Ban Quản lý dự án					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,280,000	0	0	6,280,000
I	Chuẩn bị đầu tư																				
II	Thực hiện dự án					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,280,000	0	0	6,280,000
	Dự án chuyển tiếp					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,280,000	0	0	6,280,000
1	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 1192 ngày 29/4/2022	9,756,795			9,756,795	9,756,795			9,756,795					3,000,000			3,000,000
2	Nhà ở tập thể đối cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 1193 ngày 29/4/2022	12,796,923			12,796,923	12,796,923			12,796,923	0				3,280,000			3,280,000
	Công an huyện																	500,000			500,000
I	Chuẩn bị đầu tư																	500,000			500,000
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	Nhóm C															500,000			500,000
A.4	Hạ tầng văn hóa, xã hội					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,050,000	0	0	2,050,000
	Ban Quản lý dự án					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,000,000	0	0	2,000,000
I	Chuẩn bị đầu tư																				
II	Thực hiện dự án																	2,000,000			2,000,000
	Khởi công mới																	2,000,000			2,000,000
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng - Trung tâm văn hóa	LU	Nhóm C	2022-2023						0			0	0			0	2,000,000			2,000,000
	Phòng Quản lý đô thị					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	0	0	50,000
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	0	0	50,000
1	Cải tạo Khu di tích Ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tướng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	LH	Nhóm C															50,000			50,000
B	VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN					14,503,502	0	0	14,503,502	1,150,000	0	0	1,150,000	1,200,000	0	0	1,200,000	10,000,000	0	0	10,000,000
B.1	Hạ tầng giao thông, công nghiệp																				
B.2	Quản lý nhà nước					14,503,502	0	0	14,503,502	1,150,000	0	0	1,150,000	1,200,000	0	0	1,200,000	6,800,000	0	0	6,800,000
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					14,503,502	0	0	14,503,502	1,150,000	0	0	1,150,000	1,200,000	0	0	1,200,000	6,800,000	0	0	6,800,000
1	Xây dựng môi trường tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023		0				0				50,000			50,000	3,800,000			3,800,000
2	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 3248 ngày 09/9/2022	14,503,502			14,503,502	1,150,000			1,150,000	1,150,000			1,150,000	3,000,000			3,000,000
B.3	Hạ tầng văn hóa, xã hội					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
	Ban Quản lý dự án					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	Nhóm C															3,000,000			3,000,000
2	Tượng Đài huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C															200,000			200,000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi khác			
A	B	1=(2+..11)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	131,816,000	0	0	3,000,000	3,780,000	0	2,050,000	0	0	0		62,502,000	0	0	57,284,000	0	3,200,000
I	Vốn phân cấp theo tiêu chí	121,816,000	0	0	3,000,000	3,780,000	0	2,050,000	0	0	0	0	62,502,000	0	0	50,484,000	0	0
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	77,160,000			3,000,000	3,280,000		2,000,000					18,396,000			50,484,000		0
2	Phòng Quản lý đô thị huyện	41,156,000						50,000					41,106,000			0		
3	Công an huyện	500,000				500,000												
4	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	3,000,000											3,000,000					
II	Nguồn kết dư ngân sách huyện	10,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	6,800,000	0	3,200,000
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	10,000,000														6,800,000		3,200,000